

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-01-2023  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Khắc Hiếu và bà Nguyễn Thị Thu T.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Đức Vũ Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 409/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/10/2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 105/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2002; Địa chỉ: khu phố .., phường P., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt

- Bị đơn: Anh Bùi Quốc Tr, sinh năm 1995; Địa chỉ: khu phố .., phường P., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/07/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày được tóm tắt như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào ngày 28/7/2019 nhưng đến năm 2020 đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 16/03/2020. Quá trình chung sống, cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến khi Chị T mang thai năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên uống rượu về nhà kiểm chuyện đánh đập chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt. Mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên Chị T xin được ly hôn với anh Tr.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 14/12/2020. Hiện nay cháu Th đang sống với chị Thảo. Ly hôn, Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th và không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Bùi Quốc Tr vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Chị T cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Tr; Về con chung: Giao 01 con chung cháu Bùi Nguyễn Hoàng Th cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Bùi Quốc Tr đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào ngày 28/7/2019 nhưng đến năm 2020 đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 16/03/2020 nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn, theo nguyên đơn Chị T trình bày: năm 2020 khi chị mang thai cháu Th thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh Tr thường xuyên uống rượu về nhà kiểm chuyện đánh đập chị nên dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, mâu thuẫn vợ chồng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ cho anh Tr để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh Tr không đến Tòa cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Tr vẫn không có mặt. Như vậy cho thấy anh Tr không có thiện chí hòa giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa Chị T và anh Tr đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh Tr.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị T và anh Tr có 01 con chung tên là Bùi Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 14/12/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng: hiện nay cháu Th đang sống với chị T, vẫn đảm bảo cuộc sống về thể chất và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của con. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống của con chung nên cần tiếp tục giao cháu Th cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Bùi Quốc Tr.

2. Về con chung: Giao 01 (một) con chung tên là Bùi Nguyễn Hoàng Th, sinh ngày 14/12/2020 cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu anh Bùi Quốc Tr phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007628 ngày 06/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- TAND tỉnh Phú Yên;
  - VKSND Tp.Tuy Hoà;
  - Chi cục THADS Tp T;
  - UBND phường Phú Thạnh, Tp T;
- (Số 10, ngày 16/03/2020)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Huỳnh Thị Tân Sang**